

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN BIÊN  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/HS-ST  
Ngày 17-11-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Chọn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Minh Cảnh và bà Nguyễn Ngọc Duyên.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đoàn Minh Dương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Ông Trần Minh Hải Đăng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai, vụ án hình sự thụ lý số 25/2021/TLST-HS ngày 18 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2021/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2021/QĐST-HS ngày 29 tháng 9 năm 2021 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 02/2021/TB-TĐTG ngày 21/10/2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phạm Thị Kim S**, sinh năm 1981 tại huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: Ấp Y, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hoá: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Thái H, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị Cẩm H, sinh năm 1956; chồng tên Ngô Văn V, sinh năm 1978 và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an huyện An Biên từ ngày 18/11/2020 cho đến ngày 16/4/2021 cho bảo lãnh tại ngoại. Có mặt

2. Họ và tên: **Thái Văn C**, sinh năm 1978 tại huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: Ấp Y, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thái Văn N, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1951; vợ tên Trịnh Thị Bích L, sinh năm 1978 và có 02 người con, lớn nhất

sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 17/9/2015 bị Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc” theo bản án hình sự số 34/2015/HSST; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an huyện An Biên từ ngày 18/11/2020 cho đến ngày 16/4/2021 cho bảo lãnh tại ngoại. Có mặt

3. Họ và tên: **Trần Xô Đ**, sinh năm 1989 tại huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: Ấp Y, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hồng L, sinh năm 1935 (đã chết) và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1942; vợ tên Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1993 và có 01 người con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an huyện An Biên từ ngày 18/11/2020 cho đến ngày 16/4/2021 cho bảo lãnh tại ngoại. Có mặt

4. Họ và tên: **Lương Văn S**, sinh năm 1980 tại huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: Ấp A, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Ngư phủ; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn S, sinh năm 1949 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1948; vợ tên Huỳnh Hoàng Y, sinh năm 1984 và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an huyện An Biên từ ngày 18/11/2020 cho đến ngày 09/02/2021 cho bảo lãnh tại ngoại. Có mặt

5. Họ và tên: **Trương Thị T**, sinh năm 1978 tại huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: Ấp Y, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn T (đã chết) và bà Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1949; chồng tên Lê Thành T, sinh năm 1974 và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an huyện An Biên từ ngày 11/12/2020 cho đến ngày 08/02/2021 cho bảo lãnh tại ngoại. Có mặt

6. Họ và tên: **Nguyễn Hoàng Đ**, sinh năm 1983 tại huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: Ấp X, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N (đã chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1937; vợ tên Ngô Thị Kim T, sinh năm 1988 và có 01 người con sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo bị tạm giữ,

tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an huyện An Biên từ ngày 18/11/2020 cho đến ngày 09/02/2021 cho bảo lãnh tại ngoại. Có mặt

7. Họ và tên: **Thái Thị S**, sinh năm 1985 tại huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thái Văn N, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1951; chồng tên Nguyễn Tấn D, sinh năm 1988 và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

8. Họ và tên: **Huỳnh Thanh S**, sinh năm 1988 tại huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: Ấp X, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Thanh S, sinh năm 1958 và bà Lê Thị B, sinh năm 1957; vợ tên Trần Thị N, sinh năm 1988 và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

9. Họ và tên: **Huỳnh Văn N**, sinh năm 1992 tại huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: Ấp A, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn B, sinh năm 1945 và bà Lê Thị L, sinh năm 1961; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an huyện An Biên từ ngày 18/11/2020 cho đến ngày 09/02/2021 cho bảo lãnh tại ngoại. Có mặt

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thị Kim S*: Luật sư Hoàng Quốc Việt  
– Đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang. Có mặt

- *Người làm chứng*:

1. Hồ Thị Ngọc C, sinh năm 1978. Vắng mặt

Trú tại: Ấp R, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

2. Trần Thị N, sinh năm 1988. Vắng mặt

Trú tại: Ấp X, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

3. Lê Thị Mười H, sinh năm 1984.

Trú tại: Ấp M, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Vắng mặt

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung

vụ án được tóm tắt như sau:

Vào chiều ngày 17/11/2020 Phạm Thị Kim S gặp Thái Thị S và nói với Thái Thị S rủ người khác đến nhà S thuộc ấp Y, xã N, huyện A để đánh bạc. S cho thuê một đêm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), cung cấp chiếu, nước uống và thức ăn cho những người đến tham gia đánh bạc. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày có một số người đến nhà S để đánh bạc, lúc này Thái Văn C đến và tổ chức cho nhiều người cùng đánh bạc, C cung cấp bài tây, thu tiền sâu để trả tiền thuê địa điểm cho bị cáo S. Đến 20 giờ do bận đi đám nên C dùng điện thoại di động, loại có bàn phím, màu Đ gắn sim số 0973.916.354 gọi vào số 0941.640864 được gắn trong điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu vàng gold nhãn hiệu SAMSUNG của Trần Xô Đ rủ Đ đến nhà S cùng C tổ chức đánh bạc, Đ đồng ý và khi Đ đến C giao Đ thu tiền sâu.

Hình thức đánh bạc và thắng thua cụ thể là, bài cào ba lá loại bài tây loại 52 lá, ăn thua bằng tiền; mỗi người đều có thể làm cái một lượt nhưng không bắt buộc, mỗi lượt là 03 ván; sòng bạc có 01 tụ cái và 03 tụ con tham gia, mỗi tụ con đặt số tiền từ 50.000đ đến 100.000 đồng; ngoài ra còn có tụ giữa, là tụ do những người không tham gia làm cái và đặt tụ con thì có hoặc ké theo tụ cái hoặc tụ con.

Sau khi nhà cái kết thúc 03 ván thia C hoặc Đ sẽ lấy tiền sâu từ 30.000đ (Ba mươi nghìn đồng) đến 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng) tùy thuộc vào nhà cái ăn ít hay nhiều, Đ là người giữ tiền sâu. Riêng các bị cáo S, Đ và C không tham gia làm cái và đặt tụ con hay tụ giữa.

Đến khoảng 23 giờ ngày 17/11/2020 nhận được tin báo của quần chúng nhân dân Công an xã Nam Yên tiến hành kiểm tra và bắt qua tang và đưa về trụ sở làm việc.

Trước ngày bị bắt khoảng 01 tuần bị cáo Đ và C cùng thuê nhà bị cáo S tổ chức đánh bạc thu được số tiền 1.300.000đ (Một triệu ba trăm nghìn đồng), đã trả cho bị cáo S số tiền thuê địa điểm 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) và chia cho bị cáo Đ 350.000đ (Ba trăm năm mươi nghìn đồng), C giữ 350.000đ, riêng ngày 17/11/2021 tiền sâu thu được 752.000đ do Đ giữ bị bắt quả tang chưa trả tiền thuê địa điểm đánh bạc cho bị cáo S.

Trong quá trình điều tra từng bị cáo đã dùng số tiền và tham gia đánh bạc thắng thua cụ thể như sau:

Lương Văn S thuê xe ôm từ thị trấn Thứ Ba - An Biên đến nhà bị cáo S để tham gia đánh bạc, mang theo số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng), bị cáo S tham gia làm nhà cái 01 lượt còn lại tham gia đặt tụ và tụ giữa đến

ván cuối thua số tiền 1.330.000đ (Một triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng). Khi bị bắt còn số tiền là 170.000đ (Một trăm bảy mươi nghìn đồng);

Trương Thị T mang theo 1.100.000đ (Một triệu một trăm nghìn đồng) để đánh bạc, tại sòng bạc bị cáo tham gia ké, có những người đặt tụ, bị cáo thua hết 948.000đ (Chín trăm bốn mươi tám nghìn đồng), khi bị bắt chị T còn trên người số tiền là 152.000đ (Một trăm năm mươi hai nghìn đồng). Sau khi bị bắt lợi dụng lúc Công an đang lập biên bản bị cáo bỏ trốn đến ngày 11/12/2020 thì bị bắt tạm giam;

Nguyễn Hoàng Đ mang theo 672.000đ (Sáu trăm bảy mươi hai nghìn đồng), tại sòng bạc bị cáo tham gia đặt tụ con và tụ giữa, bị cáo cũng có làm cái được 01 lượt với 03 ván, bị cáo thua hết 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng), khi bị bắt còn trên người số tiền là 72.000đ (Bảy mươi hai nghìn đồng);

Thái Thị S mang theo 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), chơi 12 ván mỗi ván đặt 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng), thắng 02 ván và thua 10 ván, khi bị bắt bị cáo S còn số tiền là 100.000đ (Một trăm nghìn đồng);

Huỳnh Thanh S lấy số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) để tham gia đánh bạc, khi tham gia đặt tụ con và tụ giữa, bị cáo thua hết 1.430.000đ (Một triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng), còn lại 70.000đ. Khi bị lực lượng Công an đến kiểm tra bắt quả tang, thu giữ trên người bị cáo số tiền 7.570.000đ (Bảy triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng) là tiền mượn của người thiếm để đóng bảo hiểm và 70.000đ (Bảy mươi nghìn đồng) dùng để đánh bạc còn lại;

Huỳnh Văn N mang theo số tiền 200.000đ tham gia đánh bạc, đặt tụ mỗi ván là 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng), thua hết số tiền là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) và bị bắt quả tang.

#### **Vật chứng của vụ án thu giữ gồm:**

Tiền Việt Nam thu trên chiếu bạc 7.580.000đ (Bảy triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng);

Số tiền thu trên người các đối tượng: Trương Thị T 152.000đ (Một trăm năm mươi hai nghìn đồng), Lương Văn S 170.000đ (Một trăm bảy mươi nghìn đồng), Nguyễn Hoàng Đ 72.000đ (Bảy mươi hai nghìn đồng), Thái Thị S 100.000đ (Một trăm nghìn đồng), Huỳnh Thanh S 7.570.000đ (Bảy triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng) và Trần Xô Đ 7.152.000đ (Bảy triệu một trăm năm mươi hai nghìn đồng), Lê Thị Mươi H 110.000đ (Một trăm mười nghìn đồng);

01 (một) điện thoại di động, bàn phím, màu đỏ có in dòng chữ MASTEL, số IMEI 1: 355767047668889, số IMEI 2: 355767047668897 của Nguyễn Hoàng

Đ;

01 (Một) điện thoại di động, bàn phím, màu đen có in dòng chữ ITTEL, số IMEI 1: 35915510822285, số IMEI 2: 35915510822293 và 01 (Một) sim điện thoại số 0973.916.354 số IMEI: 8984048000042566218 của Thái Văn C;

01 (Một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu đỏ-đen có in dòng chữ VIVO số IMEI 1: 8668613046748530; số IMEI 2: 8668613046748552 của Thái Thị S;

01 (Một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu xanh có in dòng chữ VIVO số IMEI 1: 866815045158890 số IMEI 2: 8668150451588982 của Trương Thị T;

01 (Một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu xanh có in dòng chữ VIVO của Huỳnh Văn N;

01 (Một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu vàng gold có in dòng chữ SAMSUNG; số IMEI 1: 352405095376690; số IMEI 2: 352406095376698 (Bị hư hỏng vỡ màn hình); 01 (Một) sim điện thoại số 0941.640864 của Trần Xô Đ;

01 (Một) điện thoại di động Nokia màu Đ của Huỳnh Thanh S;

02 (Hai) chiếc chiếu bằng lát kích thước 197cm x 157cm;

23 (Hai mươi ba) đôi dép các loại;

39 (Ba mươi chín) lá bài tây.

**Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho:**  
Huỳnh Thanh S 01 (Một) điện thoại di động Nokia màu đen và Lê Thị Mười H số tiền 110.000đ (Một trăm mười nghìn đồng).

**Tại bản Cáo trạng số 27/CT-VKSHAB ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang đã truy tố các bị cáo Phạm Thị Kim S, Thái Văn C, Trần Xô Đ, Lương Văn S, Trương Thị T, Nguyễn Hoàng Đ, Thái Thị S, Huỳnh Thanh S và Huỳnh Văn N về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.**

*Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:*

- Về tội danh, đề nghị tuyên bố bị cáo Phạm Thị Kim S, Thái Văn C, Trần Xô Đ, Lương Văn S, Trương Thị T, Nguyễn Hoàng Đ, Thái Thị S, Huỳnh Thanh S và Huỳnh Văn N phạm tội “Đánh bạc”;

- Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, x khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 và Điều 17, xử phạt Phạm Thị Kim S 05 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 và Điều 54, xử phạt Thái Văn C 05 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 và Điều 54, xử phạt Trần Xô Đ 05 tháng tù.

Đối với Lương Văn S đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, x khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 36, xử phạt từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ

Đối với Trương Thị T đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 36, xử phạt từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Đối với Nguyễn Hoàng Đ đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 36, xử phạt từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Đối với Thái Thị S đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 36, xử phạt từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Đối với Huỳnh Thanh S đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, x khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 36, xử phạt từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Đối với Huỳnh Văn N đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 36, xử phạt từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

- Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Buộc nộp tiền thu lợi bất chính: Phạm Thị Kim S 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng); Thái Văn C 350.000đ (Ba trăm năm mươi nghìn đồng) và Trần Xô Đ 350.000đ (Ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: Tiền Việt Nam thu trên chiếu bạc 7.580.000đ (Bảy triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng); số tiền thu trên người các bị cáo: Trương Thị T 152.000đ (Một trăm năm mươi hai nghìn đồng), Lương Văn S 170.000đ (Một trăm bảy mươi nghìn đồng), Nguyễn Hoàng Đ 72.000đ (Bảy mươi hai nghìn đồng), Thái Thị S 100.000đ (Một trăm nghìn đồng), Huỳnh Thanh S 70.000đ (Bảy mươi nghìn đồng) và Trần Xô Đ 752.000đ (Bảy trăm năm mươi hai nghìn đồng); 01 (Một) điện thoại di động, bàn phím, màu đen có in dòng chữ ITTEL, số IMEI 1: 35915510822285, số IMEI 2: 35915510822293 của Thái Văn

C; 01 (Một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu vàng gold có in dòng chữ SAMSUNG; số IMEI 1: 352405095376690; số IMEI 2: 352406095376698 của Trần Xô Đ (Bị hư hỏng vỡ màn hình).

Tịch thu, tiêu hủy: 02 (Hai) chiếc chiếu bằng lát kích thước 197cm x 157cm; 23 (Hai mươi ba) đôi dép các loại; 39 (Ba mươi chín) lá bài tây; 01 (Một) sim điện thoại số 0973.916.354 số IMEI: 8984048000042566218 của Thái Văn C; 01 (Một) sim điện thoại số 0941.640864 của Trần Xô Đ.

Trả lại cho Trần Xô Đ 6.400.000đ (Sáu triệu bốn trăm nghìn đồng), Huỳnh Thanh S 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng), Nguyễn Hoàng Đ 01 (một) điện thoại di động, bàn phím, màu đỏ có in dòng chữ MASTEL, số IMEI 1: 355767047668889, số IMEI 2: 355767047668897; Thái Thị S 01 (Một) sim điện thoại số 0973.916.354 số IMEI: 8984048000042566218; 01 (Một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu đỏ-đen có in dòng chữ VIVO số IMEI 1: 8668613046748530; số IMEI 2: 8668613046748552; Trương Thị T 01 (Một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu xanh có in dòng chữ VIVO số IMEI 1: 866815045158890 số IMEI 2: 8668150451588982; Huỳnh Văn N 01 (Một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu xanh có in dòng chữ VIVO.

*Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thị Kim S trình bày lời bào chữa: Thông nhất với tội danh, điều luật, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt theo đề nghị của Viện kiểm sát. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận mức án của Viện kiểm sát đề nghị xử phạt đối với bị cáo S.*

*Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không có ý kiến tranh luận.*

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên không có ý kiến.*

**Các bị cáo nói lời sau cùng:** Các bị cáo đều có ý kiến, biết đã vi phạm pháp luật, ăn năn hối cải, hứa sẽ không vi phạm và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện An Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo,



người bào chữa cho bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi thực hiện tội phạm: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa đã làm rõ:

Do cần có tiền tiêu xài cá nhân nên vào ngày 17/11/2020 Phạm Thị Kim S rủ Thái Thị S kêu người đến nhà S đánh bạc ăn thua bằng tiền, Thái Thị S nói cho Thái Văn C biết, C điện thoại rủ Trần Xô Đ đến nhà của S tổ chức cho nhiều người cùng tham gia đánh bạc với hình thức đánh bài cào 03 lá để lấy tiền xâu và bán nước giải khát. Phạm Thị Kim S cung cấp nhà và 02 (Một) chiếu bằng lát, Thái Văn C và Trần Xô Đ chuẩn bị 01 bộ bài tây 52 lá. Đến khoảng 23 giờ ngày 17/11/2020 Công an xã Nam Yên tiến hành kiểm tra và bắt quả tang Phạm Thị Kim S, Trần Xô Đ, Thái Thị S, Lương Văn S, Trương Thị T, Nguyễn Hoàng Đ, Huỳnh Thanh S và Huỳnh Văn N. Cơ quan Công an thu giữ tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 8.044.000đ (Tám triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn đồng), trong đó thu trên chiếc bạc là 7.580.000đ (Bảy triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng) và tiền xâu 752.000đ. Ngày 18/11/2020 Thái Văn C đến cơ quan Công an đầu thú về hành vi đánh bạc. Ngoài ra, các bị cáo S, C và Đ còn khai nhận trước đó cùng phối hợp cho thuê địa điểm để đánh bạc và lấy tiền xâu, số tiền bị cáo Phạm Thị Kim S thu được 600.000đ, Thái Văn C được 350.000đ và Trần Xô Đ được chia 350.000đ. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên truy tố các bị cáo Phạm Thị Kim S, Thái Văn C, Trần Xô Đ, Thái Thị S, Lương Văn S, Trương Thị T, Nguyễn Hoàng Đ, Huỳnh Thanh S và Huỳnh Văn N về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo xâm phạm đến trật tự công cộng, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Đánh bạc là một tệ nạn xã hội, không những ảnh hưởng đến kinh tế của từng gia đình mà còn là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác.

Trong vụ án này, các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, đều là người thực hành nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm

hành sự về tội “Đánh bạc”. Tuy nhiên, tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo thể hiện cụ thể như sau:

Đối với bị cáo Phạm Thị Kim S là người khởi xướng, rủ bị cáo Thái Thị S kêu nhiều người đến đánh bạc, bị cáo cho thuê địa điểm, cung cấp chiếu, nước uống và thức ăn để phục vụ cho việc đánh bạc; bị cáo Thái Văn C và Trần Xô Đ thay phiên nhau thu tiền xâu, mục đích chi trả tiền thuê cho bị cáo S và phần còn lại chia nhau chi sài cho cá nhân nên các bị cáo S, C và Đ chịu trách nhiệm hành sự với vai trò đầu vụ.

Đối với bị cáo Thái Thị S là người được bị cáo S rủ kêu người đến nhà bị cáo S đánh bạc, bị cáo nói cho bị cáo C biết để đến tổ chức đánh bạc và bị cáo mang theo số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) để tham gia đánh bạc; các bị cáo Lương Văn S, Huỳnh Thanh S, Trương Thị T và Nguyễn Hoàng Đ mỗi bị cáo mang theo số tiền từ trên 500.000đ đến 1.500.000đ (Một triệu đồng) để tham gia đánh bạc; riêng bị cáo Huỳnh Văn N mang theo số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) để tham gia đánh bạc, các bị cáo tham gia với vai trò làm cái, đặt tụ con hoặc tụ giữa cho nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hành sự thứ yếu lần lượt tiếp theo trong vụ án.

Riêng các đối tượng Thái Thị Nương, Lương Văn Ninh là người liên quan đến hành vi đánh bạc xảy ra vào ngày 17/11/2020 đã bỏ trốn. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện An Biên tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ xử lý sau.

Xét về nhân thân: Bị cáo C có nhân thân xấu, ngày 17/9/2015 bị Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc” theo bản án hình sự số 34/2015/HSST, bị cáo đã chấp hành xong Bản án, đã được xóa án tích; các bị cáo còn lại có nhân thân tốt.

[3] Xét về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hành sự:

Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo đều không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hành sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại tòa hôm nay, các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra biết ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét khi quyết định hình phạt cho các bị cáo.

Riêng đối với các bị cáo Phạm Thị Kim S đã tự nguyện nộp tiền thu lợi bất chính, gia đình thuộc hộ nghèo và có công cách mạng; Thái Văn C đã tự nguyện nộp tiền thu lợi bất chính, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đến cơ quan Công an để đầu thú, gia đình có công cách mạng và hoàn cảnh khó khăn; Trần Xô

Đã tự nguyện nộp tiền thu lợi bất chính; Lương Văn S và Huỳnh Thanh S thuộc diện gia đình có công cách mạng nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét khi quyết định hình phạt cho các bị cáo.

Xét thấy, các bị cáo Phạm Thị Kim S, Thái Văn C và Trần Xô Đ được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 và nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt bị áp dụng và xử phạt các bị cáo với mức hình phạt bằng với thời hạn tạm giữ, tạm giam là phù hợp và đủ tính răn đe đối với các bị cáo.

Xét thấy, các bị cáo Thái Thị S, Lương Văn S, Trương Thị T, Nguyễn Hoàng Đ, Huỳnh Thanh S và Huỳnh Văn N có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo và đã đủ tính răn đe.

Các bị cáo Lương Văn S, Trương Thị T, Nguyễn Hoàng Đ và Huỳnh Văn N được khấu trừ thời gian chấp hình phạt do các bị cáo bị tạm giữ, tạm giam; cứ 01 ngày bị tạm giữ, tạm giam được tính bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

[4] Về hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập: Các bị cáo đều không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

[5] Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Buộc các bị cáo nộp số tiền thu lợi bất chính từ hành vi đánh bạc: Phạm Thị Kim S 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng); Thái Văn C 350.000đ (Ba trăm năm mươi nghìn đồng) và Trần Xô Đ 350.000đ (Ba trăm năm mươi nghìn đồng). Các bị cáo đã tự nguyện nộp xong.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: Tiền Việt Nam thu trên chiếu bạc 7.580.000đ (Bảy triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng); thu trên người của Trương Thị T 152.000đ (Một trăm năm mươi hai nghìn đồng), Lương Văn S 170.000đ (Một trăm bảy mươi nghìn đồng), Nguyễn Hoàng Đ 72.000đ (Bảy mươi hai nghìn đồng), Thái Thị S 100.000đ (Một trăm nghìn đồng), Huỳnh Thanh S 70.000đ (Bảy mươi nghìn đồng) và Trần Xô Đ 752.000đ (Bảy trăm năm mươi hai nghìn đồng); 01 (Một) điện thoại di động, bàn phím, màu đen có in dòng chữ ITTEL, số

IMEI 1: 35915510822285, số IMEI 2: 35915510822293 của Thái Văn C; 01 (Một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu vàng gold có in dòng chữ SAMSUNG; số IMEI 1: 352405095376690; số IMEI 2: 352406095376698 của Trần Xô Đ (Bị hư hỏng vỡ màn hình).

Tịch thu, tiêu hủy: 02 (Hai) chiếc chiếu bằng lát kích thước 197cm x 157cm; 23 (Hai mươi ba) đôi dép các loại; 39 (Ba mươi chín) lá bài tây; 01 (Một) sim điện thoại số 0973.916.354 số IMEI: 8984048000042566218 của Thái Văn C; 01 (Một) sim điện thoại số 0941.640864 của Trần Xô Đ.

Trả lại các vật chứng không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, cụ thể: Trả lại cho Trần Xô Đ 6.400.000đ (Sáu triệu bốn trăm nghìn đồng), Huỳnh Thanh S 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng), Nguyễn Hoàng Đ 01 (một) điện thoại di động, bàn phím, màu đỏ có in dòng chữ MASTEL, số IMEI 1: 355767047668889, số IMEI 2: 355767047668897; Thái Thị S 01 (Một) sim điện thoại số 0973.916.354 số IMEI: 8984048000042566218; 01 (Một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu đỏ-đen có in dòng chữ VIVO số IMEI 1: 8668613046748530; số IMEI 2: 8668613046748552; Trương Thị T 01 (Một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu xanh có in dòng chữ VIVO số IMEI 1: 866815045158890 số IMEI 2: 8668150451588982; Huỳnh Văn N 01 (Một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu xanh có in dòng chữ VIVO.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên và người bào chữa cho bị cáo Phạm Thị Kim S là có căn cứ cần chấp nhận một phần như đã nhận định trên.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tuyên bố các bị cáo Phạm Thị Kim S, Thái Văn C, Trần Xô Đ, Lương Văn S, Trương Thị T, Nguyễn Hoàng Đ, Thái Thị S, Huỳnh Thanh S và Huỳnh Văn N phạm tội “Đánh bạc”.

#### **1. Về hình phạt:**

1.1 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54; Điều 17 và Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Kim S 05 (Năm) tháng tù, thời hạn tù được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/11/2020 đến ngày 16/4/2021, thời hạn tù bằng thời hạn tạm giam. Vậy, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

Xử phạt bị cáo Thái Văn C 05 (Năm) tháng tù, thời hạn tù được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/11/2020 đến ngày 16/4/2021, thời hạn tù bằng thời hạn tạm giam. Vậy, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

Xử phạt bị cáo Trần Xô Đ 05 (Năm) tháng tù, thời hạn tù được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/11/2020 đến ngày 16/4/2021, thời hạn tù bằng thời hạn tạm giam. Vậy, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

1.2 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 36 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Thái Thị S 12 (Mười Hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Thuận Hòa, huyện An Minh nhận được bản án và quyết định thi hành án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Thuận Hòa, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Lương Văn S 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ thời gian chấp hành hình phạt từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 18/11/2020 đến ngày 09/02/2021 =  $(84 \text{ ngày} \times 3)/30 \text{ ngày} = 08 \text{ tháng } 04 \text{ ngày}$  cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 03 (Ba) tháng 26 (Hai mươi sáu) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Nam Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang nhận được bản án và quyết định thi hành án. Giao bị cáo Lương Văn S cho Ủy ban nhân dân xã Nam Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Trương Thị T 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ thời gian chấp hành hình phạt từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 11/12/2020 đến ngày 08/02/2021 =  $(60 \text{ ngày} \times 3)/30 \text{ ngày} = 06 \text{ tháng}$  cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 03 (Ba) tháng ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Nam Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang nhận được bản án và quyết định thi hành án. Giao bị cáo Trương Thị T cho Ủy ban nhân dân xã Nam Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thanh S 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Đông Yên,

huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang nhận được bản án và quyết định thi hành án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đông Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án.

1.3 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 36 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng Đ 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ thời gian chấp hành hình phạt từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 18/11/2020 đến ngày 09/02/2021 =  $(84 \text{ ngày} \times 3)/30 \text{ ngày} = 08 \text{ tháng}$  04 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 03 (Ba) tháng 26 (Hai mươi sáu) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Tây Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang nhận được bản án và quyết định thi hành án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Tây Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn N 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ thời gian chấp hành hình phạt từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 18/11/2020 đến ngày 09/02/2021 =  $(84 \text{ ngày} \times 3)/30 \text{ ngày} = 08 \text{ tháng}$  04 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 26 (Hai mươi sáu) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Nam Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang nhận được bản án và quyết định thi hành án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Nam Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án.

**2. Về biện pháp tư pháp:** Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Buộc các bị cáo nộp số tiền thu lợi bất chính từ hành vi đánh bạc: Phạm Thị Kim S 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng); Thái Văn C 350.000đ (Ba trăm năm mươi nghìn đồng) và Trần Xô Đ 350.000đ (Ba trăm năm mươi nghìn đồng). Các bị cáo đã tự nguyện nộp xong theo biên lai thu số 0003305, số 0003306 và số 0003307 cùng ngày 09/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: Tiền Việt Nam thu trên chiếc bạc 7.580.000đ (Bảy triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng); Số tiền thu trên người các bị cáo: Trương Thị T 152.000đ (Một trăm năm mươi hai nghìn đồng), Lương Văn S 170.000đ (Một trăm bảy mươi nghìn đồng), Nguyễn Hoàng Đ 72.000đ (Bảy mươi hai nghìn đồng), Thái Thị S 100.000đ (Một trăm nghìn đồng), Huỳnh Thanh S

70.000đ (Bảy mươi nghìn đồng) và Trần Xô Đ 752.000đ (Bảy trăm năm mươi hai nghìn đồng); 01 (Một) điện thoại di động, bàn phím, màu đen có in dòng chữ ITEl, số IMEI 1: 35915510822285, số IMEI 2: 35915510822293 của Thái Văn C; 01 (Một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu vàng gold có in dòng chữ SAMSUNG; số IMEI 1: 352405095376690; số IMEI 2: 352406095376698 của Trần Xô Đ (Bị hư hỏng vỡ màn hình).

Tịch thu, tiêu hủy: 02 (Hai) chiếc chiếu bằng lát kích thước 197cm x 157cm; 23 (Hai mươi ba) đôi dép các loại; 39 (Ba mươi chín) lá bài tây; 01 (Một) sim điện thoại số 0973.916.354 số IMEI: 8984048000042566218 của Thái Văn C; 01 (Một) sim điện thoại số 0941.640864 của Trần Xô Đ.

Trả lại các vật chứng không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, cụ thể: Trả lại cho Trần Xô Đ 6.400.000đ (Sáu triệu bốn trăm nghìn đồng), Huỳnh Thanh S 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng), Nguyễn Hoàng Đ 01 (một) điện thoại di động, bàn phím, màu đỏ có in dòng chữ MASTEL, số IMEI 1: 355767047668889, số IMEI 2: 355767047668897; Thái Thị S 01 (Một) sim điện thoại số 0973.916.354 số IMEI: 8984048000042566218; 01 (Một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu đỏ-đen có in dòng chữ VIVO số IMEI 1: 8668613046748530; số IMEI 2: 8668613046748552; Trương Thị T 01 (Một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu xanh có in dòng chữ VIVO số IMEI 1: 866815045158890 số IMEI 2: 8668150451588982; Huỳnh Văn N 01 (Một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu xanh có in dòng chữ VIVO.

Các vật chứng nêu trên được thể hiện theo quyết định chuyển giao vật chứng số 22/QĐ-VKSHAB ngày 11/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

**3. Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Phạm Thị Kim S, Thái Văn C, Trần Xô Đ, Lương Văn S, Trương Thị T, Nguyễn Hoàng Đ, Thái Thị S, Huỳnh Thanh S và Huỳnh Văn N, mỗi bị cáo có nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

#### **4. Quyền kháng cáo:**

Các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

*Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu*

*thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơiin hận:***

- TAND tỉnh KiênGiang;
- VKSND huyện An Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- THA Dân sự, Hình sự;
- NTG; CA huyện AnBiên;
- Người TGTT;
- Lưu hồ sơ, văn phòng (Dương).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Chon**